



bīng lěng

冰冷

adjective · ice-cold; freezing

Example Sentences

Tā de shǒu zài dōng tiān biàn dé bīng lěng
她的手在冬天变得冰冷。

Her hands become ice-cold in winter.

Zhè bēi shuǐ shì bīng lěng de bù néng hē
这杯水是冰冷的，不能喝。

This glass of water is freezing, can't drink it.

Trace each character, then write the word on your own.

冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰	冰		
冷	冷	冷	冷	冷	冷	冷	冷	冷	冷	